

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 39
8. Phụ lục	40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trang hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyên giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Susan Ho	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022
Ông Kim Ngọc Nguyen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Quang Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Trương Văn Quang (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 002/2021/UQ-TFC ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

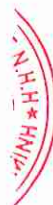
Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị


The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.D.N.: 0307866525-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG H. PHÚ NHÃN - T. PHỐ CHÍ MINH".

Nguyễn Minh Nguyệt
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2024


A red curved stamp with the text "N.H.H * HNV".


A red curved stamp with the text "T.C.P * HNV".

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 05A 01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0677/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lê Thị Thu Hiền
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0095-2023-008-1
Người được ủy quyền

Lương Anh Vũ
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		495.843.223.130	543.795.570.513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		42.395.187.091	62.881.689.673
1. Tiền	111	V.1	42.395.187.091	62.881.689.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86.600.875.751	84.867.683.382
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	299.500.000	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	86.301.375.751	84.568.183.382
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		237.249.974.048	259.169.914.569
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	214.269.649.797	246.724.358.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	730.917.377	2.295.193.208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	22.576.360.333	4.553.352.631
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(326.953.459)	(1.652.989.489)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	123.897.991.360	130.510.685.334
1. Hàng tồn kho	141		126.821.519.474	130.510.685.334
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.923.528.114)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.699.194.880	6.365.597.555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.769.061.818	2.190.302.263
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.927.494.868	4.174.466.428
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	2.638.194	828.864
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.210.937.450	169.833.471.130
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		134.577.275.045	128.549.239.718
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	63.346.720.000	63.346.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	71.230.555.045	65.202.519.718
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.003.189.013	31.450.266.988
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	24.071.554.448	24.467.710.325
- Nguyên giá	222		90.147.833.836	86.400.734.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.076.279.388)	(61.933.024.317)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	9.852.864.041	6.886.906.735
- Nguyên giá	225		11.032.234.798	7.428.609.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.179.370.757)	(541.703.063)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	78.770.524	95.649.928
- Nguyên giá	228		481.350.800	481.350.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(402.580.276)	(385.700.872)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.980.220	36.122.411
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	40.980.220	36.122.411
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.229.152.345	4.878.539.788
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	14.229.152.345	4.878.539.788
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.360.340.827	4.919.302.225
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.360.340.827	4.919.302.225
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		683.054.160.580	713.629.041.643

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		434.657.634.481	508.364.104.085
I. Nợ ngắn hạn	310		426.918.417.158	501.389.200.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	65.723.918.525	75.206.441.628
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	477.046.672	790.365.461
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	4.764.894.654	2.385.511.055
4. Phải trả người lao động	314	V.18	10.601.470.330	10.781.147.464
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	17.506.041.990	14.039.364.274
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	1.468.598.882	1.293.356.905
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	325.252.397.120	395.768.964.606
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.124.048.985	1.124.048.985
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.739.217.323	6.974.903.707
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	4.063.257.697	3.298.944.081
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	3.675.959.626	3.675.959.626
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

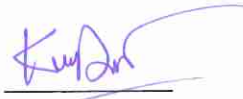
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		248.396.526.099	205.264.937.558
I. Vốn chủ sở hữu	410		248.396.526.099	205.264.937.558
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	63.418.093.017	20.063.618.408
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		11.648.621.408	20.063.618.408
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		51.769.471.609	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	(495.159.646)	(272.273.578)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		683.054.160.580	713.629.041.643

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024


Lê Kim Dung
Người lập


Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng


Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (VND)	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	782.528.625.160	850.188.743.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	220.079.516	63.103.488
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		782.308.545.644	850.125.639.699
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	648.407.539.113	740.966.860.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.901.006.531	109.158.778.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.362.709.820	17.356.615.012
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	33.558.464.581	29.652.202.754
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.878.375.611	14.567.720.682
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	9.350.612.557	1.647.624.549
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	26.105.749.301	31.194.638.694
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	42.554.439.633	35.615.103.067
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.395.675.393	31.701.073.849
12. Thu nhập khác	31	VI.8	293.587.953	359.129.434
13. Chi phí khác	32	VI.9	371.587.817	72.023.673
14. Lợi nhuận khác	40		(77.999.864)	287.105.761
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.317.675.529	31.988.179.610
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	6.234.689.988	2.303.302.070
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.082.985.541</u>	<u>29.684.877.540</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		52.305.871.609	29.116.668.316
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(222.886.068)	568.209.224
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3.076</u>	<u>1.698</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>3.076</u>	<u>1.698</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Lê Kim Dung
Người lậpNguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng
Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.317.675.529	31.988.179.610
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	4.879.624.750	4.702.068.600
- Các khoản dự phòng	03	V.7; V.8	3.042.488.010	(4.727.652.951)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(72.580.607)	2.975.017.119
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c, VI.4, VI.8	(20.107.773.566)	(11.223.982.848)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	21.878.375.611	14.567.720.682
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67.937.809.727	38.281.350.212
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.643.802.747	(86.876.926.961)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.689.165.860	14.516.954.853
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.876.064.394)	28.946.696.427
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.798.157)	(248.236.130)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, VI.5	(21.798.159.173)	(14.633.229.489)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(4.304.466.681)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24a	(536.400.000)	(540.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.735.889.929	(20.553.791.088)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13	(3.975.207.003)	(2.991.482.846)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	148.500.000	363.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b, V.5	(29.713.192.369)	(10.575.688.461)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b, V.5	35.230.000.000	26.722.419.857
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	5.164.270.319	3.697.344.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.854.370.947	17.215.774.563

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

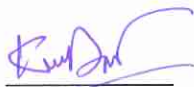
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	691.858.410.622	756.847.092.586
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(762.348.972.002)	(691.864.589.280)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(2.429.556.984)	(2.494.442.877)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.24a	(8.124.724.500)	(3.412.013.381)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(81.044.842.864)</i>	<i>59.076.047.048</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(20.454.581.988)</i>	<i>55.738.030.523</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.881.689.673	8.974.484.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(31.920.594)	(1.830.825.452)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>42.395.187.091</u>	<u>62.881.689.673</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024


Lê Kim Dung
Người lập


Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng


Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Tập đoàn giảm so với năm trước chủ yếu là do số lượng đơn hàng giảm. Tuy nhiên do giá nguyên vật liệu đầu vào năm nay giảm so với năm trước cộng với việc tỷ giá ngoại tệ tăng và khoản lãi trong công ty liên doanh, liên kết năm nay với số tiền là 9.350.612.557 VND đã làm cho lợi nhuận năm nay của Tập đoàn tăng mạnh so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Công ty con được hợp nhất

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 75% (số đầu năm là 75%).

6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 477 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 467 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 15 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	34.071.324	228.280.502
Tiền gửi ngân hàng	42.361.115.767	62.653.409.171
Cộng	<u>42.395.187.091</u>	<u>62.881.689.673</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	27.000.000.000	27.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(12.770.847.655)	(22.121.460.212)
Cộng	<u>14.229.152.345</u>	<u>4.878.539.788</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.878.539.788	3.230.915.239
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	9.350.612.557	1.647.624.549
Cộng	<u>14.229.152.345</u>	<u>4.878.539.788</u>

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán nguyên liệu	32.511.940.420	56.024.427.138
Cung cấp dịch vụ gia công	-	66.510.000
Bán tài sản cố định	-	45.000.000
Hàng bán trả lại	-	10.350.000
Thuê dịch vụ gia công	17.089.012.448	24.183.561.643
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	8.267.409.713	7.708.037.030
Cho thuê máy móc	1.699.620.000	1.376.346.000
Mua nguyên vật liệu	43.448.503.346	21.879.285.006
Mua hàng hóa	5.341.311.696	6.290.955.034
Cho vay	-	7.250.000.000
Lãi cho vay	5.444.525.000	5.594.039.000
Cho mượn	-	2.450.000.000
Ký quỹ ký cược	-	23.000.000.000
Thuê văn phòng	24.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	30.328.934.065	48.797.402.412
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	30.328.934.065	48.797.402.412
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	183.940.715.732	197.926.955.807
Trangs UK Limited	79.578.296.627	88.106.362.571
Trang Europe SAS	50.723.752.086	-
Trangs Group USA Incorporated	36.018.233.750	59.484.623.124
Trangs Europe B.V	-	21.905.718.942
Các khách hàng khác	17.620.433.269	28.430.251.170
Cộng	214.269.649.797	246.724.358.219

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp Omega	143.080.000	143.080.000
Mariox Trading	130.431.972	130.431.972
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	110.000.000	110.000.000
Trại nuôi tôm Nguyễn Trọng Vinh	100.000.000	-
Công ty TNHH Smart Ingredients	-	242.563.680
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thực phẩm Việt An Toàn	-	623.400.000
Trại nuôi tôm Ngô Hồng Lâm	-	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Chế biến Xuất khẩu Thủy sản	-	290.000.000
Các nhà cung cấp khác	247.405.405	455.717.556
Cộng	730.917.377	2.295.193.208

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%/năm và thời hạn vay 45 tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	685.000.000	-	2.050.377.605	-
Lãi dự thu	1.142.272.354	-	1.000.979.245	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	12.000.000	-	39.000.000	-
Thuế GTGT chờ hoàn	20.624.395.061	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	112.692.918	-	1.462.995.781 (1.444.995.926)	-
Cộng	22.576.360.333	-	4.553.352.631 (1.444.995.926)	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	69.650.888.614	-	64.206.363.614	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary				
– Ký cược, ký quỹ dài hạn	49.470.040.724	-	49.470.040.724	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary				
– Lãi cho vay	20.180.847.890	-	14.736.322.890	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.579.666.431	-	996.156.104	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	1.021.780.479	-	598.223.982	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	557.885.952	-	397.932.122	-
Cộng	71.230.555.045	-	65.202.519.718	-

7. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Lam Chi - Phải thu tiền bán hàng				Trên 03 năm	109.504.728	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Song Thịnh Phát - Phải thu tiền bán hàng				Trên 03 năm	108.142.460	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	68.750.000	-	Trên 03 năm	68.750.000	-
Mariox Trading - trả trước cho người bán	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	130.431.972	39.129.592	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	130.431.972	65.215.986
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	50.000.000	-	Trên 03 năm	50.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		128.205.061	11.303.982		1.270.528.203	19.151.888
	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	11.007.260	7.705.082	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	12.794.607	8.956.225
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	7.197.801	3.598.900	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	5.401.027	2.700.514
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	24.983.831	7.495.149
	Trên 03 năm	110.000.000	-	Trên 03 năm	1.227.348.738	-
Cộng		377.387.033	50.433.574		1.737.357.363	84.367.874

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.652.989.489	4.241.091.232
Trích lập dự phòng bổ sung	118.959.896	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.588.101.743)
Xử lý xoá sổ công nợ	(1.444.995.926)	-
Số cuối năm	<u>326.953.459</u>	<u>1.652.989.489</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	737.094.633	-
Nguyên liệu, vật liệu	111.443.788.072	(2.923.528.114)	98.903.507.128	-
Công cụ, dụng cụ	2.830.552.911	-	2.630.842.872	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.434.844.041	-	12.865.313.373	-
Thành phẩm	7.540.510.757	-	15.344.090.315	-
Hàng hóa	571.823.693	-	29.837.013	-
Cộng	<u>126.821.519.474</u>	<u>(2.923.528.114)</u>	<u>130.510.685.334</u>	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	2.139.551.208
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	2.923.528.114	(2.139.551.208)
Số cuối năm	<u>2.923.528.114</u>	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	439.418.324	799.995.540
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.329.643.494	1.390.306.723
Cộng	<u>2.769.061.818</u>	<u>2.190.302.263</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	3.118.252.258	3.241.297.474
Chi phí sửa chữa	190.869.133	434.991.326
Công cụ, dụng cụ	488.614.013	910.855.203
Các chi phí trả trước dài hạn khác	562.605.423	332.158.222
Cộng	<u>4.360.340.827</u>	<u>4.919.302.225</u>

Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.21a).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.071.048.944	63.775.721.944	5.925.324.017	1.628.639.737	86.400.734.642
Mua trong năm	-	1.212.900.000	121.000.000	264.358.000	1.598.258.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.350.030.825	1.022.060.369	-	-	2.372.091.194
Thanh lý, nhượng bán	-	(223.250.000)	-	-	(223.250.000)
Số cuối năm	16.421.079.769	65.787.432.313	6.046.324.017	1.892.997.737	90.147.833.836
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.602.527.633	34.141.038.349	2.336.242.621	1.336.957.919	40.416.766.522
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.809.342.713	47.656.669.510	3.001.720.028	1.465.292.066	61.933.024.317
Khấu hao trong năm	631.101.229	3.009.282.094	515.963.206	68.731.123	4.225.077.652
Thanh lý, nhượng bán	-	(81.822.581)	-	-	(81.822.581)
Số cuối năm	10.440.443.942	50.584.129.023	3.517.683.234	1.534.023.189	66.076.279.388
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.261.706.231	16.119.052.434	2.923.603.989	163.347.671	24.467.710.325
Số cuối năm	5.980.635.827	15.203.303.290	2.528.640.783	358.974.548	24.071.554.448
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.568.922.882 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	7.428.609.798	541.703.063	6.886.906.735
Thuê tài chính trong năm	3.603.625.000	-	-
Khấu hao trong năm	-	637.667.694	-
Số cuối năm	11.032.234.798	1.179.370.757	9.852.864.041

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	481.350.800	385.700.872	95.649.928
Khấu hao trong năm	-	16.879.404	-
Số cuối năm	481.350.800	402.580.276	78.770.524
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.030.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	948.168.956	(934.168.956)	(14.000.000)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	36.122.411	1.442.780.047	(1.437.922.238)	-	40.980.220
Cộng	36.122.411	2.390.949.003	(2.372.091.194)	(14.000.000)	40.980.220

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng với tổng số tiền là 3.541.428.335 VND. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2019	2.680.322.682
Năm 2020	606.470.752
Năm 2023	254.634.901
Cộng	3.541.428.335

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	15.441.698.413	1.486.810.089
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	15.441.698.413	1.486.810.089
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	50.282.220.112	73.719.631.539
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khánh Hải	6.339.824.400	13.463.009.620
Các nhà cung cấp khác	43.942.395.712	60.256.621.919
Cộng	65.723.918.525	75.206.441.628

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Culinova AS	476.801.530	-
Gray Mackenzie Retail Lebanon S.A.L	-	790.003.865
Các khách hàng khác	245.142	361.596
Cộng	477.046.672	790.365.461

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	828.864	160.569.084	(111.402.992)	48.337.228	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	63.894.486	(63.894.486)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	20.697.459	(20.697.459)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.303.302.070	-	6.234.689.988	(4.304.466.681)	4.233.525.377	-
Thuế thu nhập cá nhân	82.208.985	-	1.570.069.123	(1.171.884.253)	483.032.049	2.638.194
Các loại thuế khác	-	-	155.920.034	(155.920.034)	-	-
Cộng	2.385.511.055	828.864	8.205.840.174	(5.828.265.905)	4.764.894.654	2.638.194

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Riêng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. **Phải trả người lao động**
Tiền lương còn phải trả người lao động.

19. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Classier Enterprises Pty Ltd – Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	16.658.324.008	13.086.769.607
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	847.717.982	952.594.667
Cộng	<u>17.506.041.990</u>	<u>14.039.364.274</u>

20. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>80.216.438</i>	-
Các thành viên Hội đồng quản trị – Chi phí lãi vay phải trả	80.216.438	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.388.382.444</i>	<i>1.293.356.905</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	306.528.290	485.853.181
Cổ tức phải trả	1.063.208.119	772.935.619
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.646.035	34.568.105
Cộng	<u>1.468.598.882</u>	<u>1.293.356.905</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	8.200.000.000	7.200.000.000
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt ⁽ⁱ⁾	8.200.000.000	7.200.000.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	317.052.397.120	388.568.964.606
Vay ngắn hạn ngân hàng	315.019.669.170	387.165.431.056
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	75.027.498.245	81.233.373.450
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	72.270.047.500	78.187.463.361
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 ^(iv)	65.811.884.655	59.046.085.200
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 ^(v)	36.297.934.472	55.761.445.320
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(vi)	14.234.237.220	39.395.548.027
Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vii)	18.163.390.870	34.306.161.906
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	33.214.676.208	39.235.353.792
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	160.000.000	160.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	160.000.000	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.21b)	1.872.727.950	1.243.533.550
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	629.194.400	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.243.533.550	1.243.533.550
Cộng	325.252.397.120	395.768.964.606

(i) Khoản vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.8).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ bất động sản tại Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 20, Lô A14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh của Tập đoàn, bất động sản tại Căn hộ số A3419 tại tầng 41, thuộc Nhà Chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Minh Nguyệt và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.8, V.9b, V.10 và VII.1a).

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.2b, V.3, V.8 và V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem các thuyết minh số V.2b) và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ việc khai thác công trình nhà xưởng của Công ty TNHH Thực phẩm Dary hình thành trong tương lai tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	387.165.431.056	688.858.410.622	-	(760.188.972.002)	(815.200.506)	315.019.669.170
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.200.000.000	3.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	8.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	160.000.000	-	160.000.000	(160.000.000)	-	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.243.533.550	-	2.221.658.384	(1.592.463.984)	-	1.872.727.950
Cộng	395.768.964.606	691.858.410.622	2.381.658.384	(763.941.435.986)	(815.200.506)	325.252.397.120

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	160.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	-	160.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	4.063.257.697	3.138.944.081
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.895.410.531	3.138.944.081
Cộng	4.063.257.697	3.298.944.081

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu KIA (xem thuyết minh V.10).
- (ii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.02/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.03/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.04/CTTC ngày 28 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.05/CTTC ngày 29 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.06/CTTC ngày 27 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.

(iii) Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số B230212202 ngày 16 tháng 2 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số C230535302 ngày 30 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B230215902 ngày 24 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	160.000.000	-
Nợ thuê tài chính	5.935.985.647	1.872.727.950	4.063.257.697
Cộng	6.095.985.647	2.032.727.950	4.063.257.697
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	320.000.000	160.000.000	160.000.000
Nợ thuê tài chính	4.382.477.631	1.243.533.550	3.138.944.081
Cộng	4.702.477.631	1.403.533.550	3.298.944.081

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	-	-	(160.000.000)	-
Nợ thuê tài chính	3.138.944.081	3.983.065.000	(837.093.000)	(2.221.658.384)	4.063.257.697
Cộng	3.298.944.081	3.983.065.000	(837.093.000)	(2.381.658.384)	4.063.257.697

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.675.959.626	3.675.959.626
Số cuối năm	3.675.959.626	3.675.959.626

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	53.764.940.000
Cộng	168.299.940.000	168.299.940.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	22,02	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	31,94	62.739.940.000
Cộng	168.299.940.000	100,00	168.299.940.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã trích thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 28 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 536.400.000 VND và chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/23/NQ/HĐQT-TFC ngày 20 tháng 10 năm 2023 với mức chi trả là 5%/mệnh giá (trương đương 500 VND/cổ phiếu).

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.469.764,92	2.221.466,02
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,88	4,88

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Long Biên	9.817.391	-
Chi nhánh Công ty TNHH International Simply Mart	3.583.624	-
Công ty TNHH Dịch Vụ EB	57.327.297	-
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Saigon Co.op	780.208	-
Siêu thị FD Mart	1.642.445	-
Công ty TNHH Jet Mart	6.826.963	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	216.920	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang	666.225	-
Chi nhánh Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) tại thành phố Đà Nẵng	24.848.195	-
Chi nhánh Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) tại thành phố Hà Nội	198.827.474	-
Chi nhánh Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) tại thành phố Hải Phòng	12.953.714	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	164.115.649	-
Orla's Coffee	1.811.581	-
Trung tâm Điều hành SatraFoods	1.027.036	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thương mại Thadico	15.699.331	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	311.850	-
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	47.814.491	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	436.890	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận	260.124	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam	179.534.256	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	5.247	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	312.732	-
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	121.441.072	-
Công nợ không xác định được đối tượng	1.091.917.207	-
Cộng	<u>1.942.177.922</u>	<u>-</u>

Các khoản công nợ trên được xử lý xoá sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	745.426.684.061	790.273.929.304
Doanh thu bán nguyên vật liệu	37.101.941.099	59.914.813.883
Cộng	<u>782.528.625.160</u>	<u>850.188.743.187</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	184.494.944	33.450.253
Hàng bán bị trả lại	35.584.572	29.653.235
Cộng	<u>220.079.516</u>	<u>63.103.488</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	613.246.438.748	689.221.617.229
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	32.237.572.251	53.884.794.875
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	2.923.528.114	(2.139.551.208)
Cộng	<u>648.407.539.113</u>	<u>740.966.860.896</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.305.563.428	3.631.970.827
Lãi tiền cho vay	5.444.525.000	5.594.039.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.540.040.785	8.130.605.185
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.580.607	-
Cộng	<u>17.362.709.820</u>	<u>17.356.615.012</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	21.878.375.611	14.567.720.682
Chi phí lãi thuê tài chính	523.588.041	316.438.330
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.156.500.929	11.793.026.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.975.017.119
Cộng	<u>33.558.464.581</u>	<u>29.652.202.754</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.951.280.421	3.167.136.274
Chi phí vật liệu, bao bì	1.235.721.785	867.876.891
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	128.230.467	50.344.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.065.279	190.496.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.229.420.931	17.002.442.857
Các chi phí khác	7.337.030.418	9.916.341.284
Cộng	<u>26.105.749.301</u>	<u>31.194.638.694</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	29.910.608.395	26.947.070.869
Chi phí đồ dùng văn phòng	481.520.710	345.512.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.196.927	441.807.337
Thuế, phí và lệ phí	840.323.211	896.872.188
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	118.959.896	(2.588.101.743)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.162.904.405	3.554.734.539
Các chi phí khác	4.336.926.089	6.017.207.497
Cộng	<u>42.554.439.633</u>	<u>35.615.103.067</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.072.581	350.348.472
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	192.023.970	-
Các khoản thu nhập khác	94.491.402	8.780.962
Cộng	<u>293.587.953</u>	<u>359.129.434</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	52.305.871.609	29.116.668.316
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(536.400.000)	(540.400.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	51.769.471.609	28.576.268.316
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.829.994	16.829.994
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.076	1.698

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.658.411.036	527.915.947.325
Chi phí nhân công	133.830.681.825	139.174.886.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.879.624.750	4.702.068.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.456.469.124	39.048.809.842
Chi phí khác	13.551.284.076	15.849.166.485
Cộng	672.376.470.811	726.690.879.214

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đi vay	3.000.000.000	9.515.000.000
Chi phí lãi vay	633.698.629	564.355.280

Cam kết bảo lãnh

Bà Nguyễn Minh Nguyệt dùng bất động sản tại Căn hộ số A3419 tại tầng 41, thuộc Nhà chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và thửa đất 242, Lô A14B Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20 và V.21a.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Chức danh</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	144.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.438.577.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Ông David Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	305.500.000
Bà Susan Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Trần Quang Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Bà Kim Ngọc Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	311.904.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	544.510.000
Cộng		<u>3.136.891.000</u>
Năm trước		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.287.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.406.777.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	468.612.000
Bà Susan Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	52.000.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông David Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán	430.600.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	299.279.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	10.800.000
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên Ban Kiểm soát	85.137.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	21.600.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	353.624.500
Cộng		<u>4.727.429.500</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Thực phẩm Dary là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Lê Kim Dung
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông		Đơn vị tính: VND
				không kiểm soát	Cộng	
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	(8.512.649.908)	(840.482.802)	176.120.460.018	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	29.116.668.316	568.209.224	29.684.877.540	
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	(540.400.000)	-	(540.400.000)	
Số dư cuối năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	20.063.618.408	(272.273.578)	205.264.937.558	
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	20.063.618.408	(272.273.578)	205.264.937.558	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	52.305.871.609	(222.886.068)	52.082.985.541	
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(8.414.997.000)	-	(8.414.997.000)	
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-	(536.400.000)	-	(536.400.000)	
Số dư cuối năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	63.418.093.017	(495.159.646)	248.396.526.099	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



Trương Văn Trang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Lê Kim Dung
Người lập

